TOÀ ÁN N DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2022/HS-ST
Ngày 30 tháng 8 năm 2022

N DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN N DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm N dân: Bà H Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Vượng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh – Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát N dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Việt Anh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 và 30 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở TAND thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 116/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2022/QĐXXST-HS ngày 28/7/2022; Quyết định hoãn phiên toà số 31/2022/HSST-QĐ ngày 09/8/2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà số 15/TB-TA ngày 17/8/2022 của Tòa án N dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đồng Thị Thu P,** sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Tổ dân phố Thống Nhất, thị trấn Bố Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12

Bố: Đồng Văn M, sinh năm 1964.

Mẹ: Vũ Thị Hải Y, sinh năm 1966.

Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Chồng: Ngô Bá H, sinh năm 1987 (đã ly hôn).

Có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh ngày 26/7/2021

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại.

(có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

Người bào chữa cho bị cáo là Luật sư H Thị Bích L, Luật sư thuộc văn phòng Luật sư H Thị Bích L, Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

*** Bị hại:** Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn Xuân Lai, xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. (vắng mặt)

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Vũ Thị Thu H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ 1, khu 1, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. (Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

2. Chị Dương Thị Diệu H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Bản Đồng Hom, xã Tam Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

3. Anh Đoàn Văn Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số nhà 22, tổ 2, khu 2, phường Hồng Hà, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. (vắng mặt)

4. Anh Đoàn Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 5B, khu 1A, phường Hồng Thái, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. (vắng mặt)

5. Anh Nguyễn Hùng C, sinh năm 1990. Địa chỉ: Tổ 1, khu 1, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. (vắng mặt)

6. Bà Vũ Thị Hải Y, sinh năm 1966. Địa chỉ: Số nhà 05, ngõ 22 M Hà, tổ 1, khu 1, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. (vắng mặt)

7. Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số nhà 337, đường Giáp Hải, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 12/2020, Đồng Thị Thu P, sinh năm 1989 trú tại tổ dân phố Thống Nhất, thị trấn Bố Hạ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang hỏi vay tiền của dì ruột là bà Vũ Thị Thu H, sinh năm 1976 trú tại tổ 1, khu 1, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh để đầu tư bất động sản. Do là quan hệ gia đình nên bà H đồng ý cho vay và yêu cầu P phải có tài sản bảo đảm để làm tin. Do không có tài sản nên P đã nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đặt làm tin cho bà H. Sau đó, P vào mạng Internet tìm kiếm trang "Làm sổ bìa đỏ giả" rồi liên hệ với số điện thoại của đối tượng thông tin trên mạng để đặt làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Theo P khai xem trên facebook thấy có đăng bài bán thửa đất số 661, tờ bản đồ số 352407-2-a, địa chỉ khu B, thuộc khu đô thị mới Đình Trám – Sen Hồ, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên (lô đất số 06 CL27 theo thiết kế phân lô), diện tích 72m2 do UBND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang cấp ngày 19/12/2020. P đặt mua Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất nêu trên nhưng mang tên Đồng Thị Thu P với giá là 6.000.000 đồng; thỏa T sau khi làm xong sẽ gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ của P tại số nhà 22, đường Tân Ninh, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang và thanh toán bằng tiền mặt khi nhận hàng. Khoảng một tuần sau, P nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CT420825 với thông tin thửa đất như trên do một thanh niên chuyển phát đem đến. P thanh toán cho thanh niên này 6.000.000 đồng. P đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà H để làm tin và được bà H cho vay số tiền 300.000.000 đồng. Khoảng 15 ngày sau, P đã trả hết số tiền 300.000.000 đồng cho bà H và lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả rồi đem về cất giữ.

Ngày 20/4/2021 do cần tiền trả nợ và chi tiêu cá N, P nảy sinh ý định dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đăng bài bán đất để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác. Thực hiện ý định này, P gửi ảnh chụp trang 2 và trang 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả rồi chuyển cho chị Dương Thị Diệu H, sinh năm 1987 trú tại xã

Tam Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (là chị họ chồng P) và nhờ chị H đăng bài bán thửa đất này lên mạng facebook. Chị H đã đăng bài trên facebook rao bán thửa đất này đồng thời kèm theo số điện thoại 0522076315 của P để liên lạc.

Buổi sáng ngày 22/4/2021, anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991 đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Xuân Lai, xã An Ấp, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (hiện ở thôn Hùng Lãm 2, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) thấy bài đăng từ tài khoản facebook "Dương H" kèm theo số điện thoại 0522076315 rao bán bán lô đất với giá 1.550.000.000 đồng. Anh N đã gọi điện thoại cho P đặt vấn đề mua lô đất trên với giá 1.500.000.000 đồng. P đồng ý và bảo anh N đi đến số nhà 22 đường Tân Ninh, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang để giao dịch. Theo thỏa T, anh N đến gặp P và ký kết hợp đồng đặt cọc. Sau đó, anh N dùng số tài khoản 1991888881991 mở tại ngân hàng MB Bank chuyển cho P số tiền cọc là 200.000.000 đồng vào số tài khoản 19034569200019 của P mở tại ngân hàng Techcombank. Hai bên thỏa T trong thời gian 15 ngày từ ngày nhận tiền đặt cọc, P sẽ làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên và anh N sẽ thanh toán nốt số tiền còn lại; nếu anh N không mua nữa thì sẽ mất tiền cọc còn nếu P không bán nữa thì bị phải bồi thường gấp ba lần số tiền cọc. Theo P khai đã rút số tiền 200.000.000 đồng sử dụng để trả nợ và chi tiêu cá N hết. Khi hết thời hạn theo thỏa T nhưng P không thực hiện thỏa T chuyển nhượng đất, anh N nhiều lần đòi tiền nhưng P không có tiền trả. P đã chỉnh sửa hình ảnh giao dịch giả mạo việc ngày 09/5/2021 đã chuyển khoản trả lại anh N 200.000.000 đồng rồi gửi hình ảnh qua Zalo cho anh N nhưng thực tế P chưa trả lại tiền cho anh N.

Do trước đó Đồng Thị Thu P đã nhiều lần vay tiền của anh Đoàn Văn Đ, sinh năm 1990 trú tại phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh là người quen của P bằng hình thức vay trả lãi. Tính đến tháng 5/2021 thì P còn nợ anh Đ tổng số tiền là 480.000.000 đồng. Ngày 11/5/2021, anh Đ đến thành phố Bắc Giang gặp P đề nghị thanh toán tiền nợ. Do không có tiền trả ngay nên P muốn kéo dài thời gian trả nợ. Do vậy, P đã đưa cho anh Đ giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để làm tin và viết giấy đặt cọc thể hiện nội dung P nhận của anh Đoàn Văn T, sinh năm 1988 (là anh trai anh Đ) số tiền 500.000.000 đồng để bán thửa đất (có thông tin như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả) cho anh T với giá 1 tỷ đồng; thực tế P không nhận tiền và không mua bán thửa đất này mà đây là P thức gắn trách nhiệm trả nợ. Anh Đ đồng ý và cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà P đưa cho rồi đem về nhà cất giữ.

Ngày 28/5/2022, anh Nguyễn Văn N làm đơn tố giác gửi Cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang và giao nộp 01 bản Hợp đồng đặt cọc đề ngày 22/4/2021 về việc mua bán đất giữa P và N có sự làm chứng của Thân Văn Đại, sinh năm 1984 trú tại xã Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của P 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu HUAWEI Y9 2019, lắp số thuê bao 0522076315 và 01 thẻ Active của Ngân hàng TMCP Quân đội số thẻ 9704222098288194 mang tên Đồng Thị Thu P.

Kiểm tra điện thoại của P phát hiện có nhiều nội dung liên quan đến vụ việc. P khai nhận khoảng tháng 4/2021 đến tháng 6/2021, P sử dụng tài khoản Zalo đăng ký bằng số điện thoại 0522076315 nhưng sau đó đã xóa đi không dùng nữa, hiện đang

dùng tài khoản Zalo đăng ký bằng số điện thoại 0396366931. Hiện P vẫn dùng cả hai số điện thoại trên.

Ngày 03/11/2021, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Giang thu giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT420825 mang tên Đồng Thị Thu P do Đoàn Văn Đ giao nộp để điều tra.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT420825 mang tên Đồng Thị Thu P và trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký trên Hợp đồng đặt cọc đề ngày 22/4/2021 đã thu giữ.

Kết luận giám định số 1174/KL-KTHS ngày 23/7/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A – trừ chữ ký, chữ viết dưới các mục "Đại diện bên A", "Đại diện bên C" so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn N trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Đồng Thị Thu P dưới mục "Đại diện bên A" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Đồng Thị Thu P trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ viết "STK: 19034569200019 – Techcombank" dưới mục "Đại diện bên A" và chữ ký, chữ viết mang tên Thân Văn Đại dưới mục "Đại diện bên C" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết của Thân Văn Đại trên các tài liệu mẫu là do cùng một người ký, viết ra.

Kết luận giám định số 1859 ngày 19/11/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

"1. Phôi "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số CT 420825 gửi giám định (ký hiệu A1) là giả, được làm bằng P pháp in phun màu.

2. Hình dấu tròn có nội dung "Ủy ban N dân huyện Việt Yên T. Bắc Giang" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu là không phải do cùng một con dấu đóng ra.

3. Chữ ký mang tên Nguyễn Văn P trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ ký Nguyễn Văn P trên các tài liệu mẫu là không phải do cùng một người ký ra.".

Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Giang tiến hành xác M tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Việt Yên đã xác định: Lô đất 06 CL27, thửa đất số 661, tờ bản đồ số 352407-2-a thuộc khu đô thị Đình Trám – Sen Hồ, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang được UBND huyện Việt Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu số CS 088993, vào sổ số CH 01985 ngày 13/8/2019 cho Nguyễn Quang T, sinh năm 1989 trú tại tổ dân phố Giáp Sau, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang. Ngày 15/6/2020, anh T chuyển nhượng lô đất trên cho chị Nguyễn Thu Hiền, sinh năm 1984 trú tại xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Ngày 29/6/2020, chị Hiền chuyển nhượng lại cho Đặng Văn Hồng, sinh năm 1991 trú tại xã Nghĩa Hưng, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Anh Hồng khai không quen biết Đồng Thị Thu P và cũng không chuyển nhượng thửa đất cho người khác.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo P đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn N số tiền 215.000.000 đồng. Anh N có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo P đã trả lại anh Đ số tiền 480.000.000 đồng. Anh Đ không yêu cầu bồi thường gì khác.

Về xử lý vật chứng: Các vật chứng bị thu giữ đã được nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Đối với người làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho Đồng Thị Thu P. Theo P khai không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác M, làm rõ.

Đối với Dương Thị Diệu H giúp P đăng bài bán thửa đất nhưng không biết là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và không biết mục đích của P là để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với hành vi Đồng Thị Thu P vay tiền của bà Vũ Thị Thu H và đặt Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để làm tin nhưng sau đó P đã trả lại tiền cho bà H, không có ý thức chiếm đoạt tài sản; hành vi P vay tiền của Đoàn Văn Đ từ trước sau đó đưa cho anh Đ giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mục đích để kéo dài thời hạn trả nợ sau đó P đã trả lại toàn bộ số tiền vay cho anh Đ, không có ý thức chiếm đoạt tài sản. Vì vậy những hành vi này của P không cấu thành tội chiếm đoạt tài sản mà cấu thành tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Bắc Giang nhận được đơn của Nguyễn Hùng C, sinh năm 1990 trú tại tổ 1, khu 1, phường Hà Tu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tố cáo P lừa đảo chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng. Kết quả điều tra xác định tháng 11/2020 P vay của anh C số tiền trên để kinh doanh nhưng không viết giấy biên nhận. Ngày 26/3/2022, anh C đến gặp P tại thành phố Bắc Giang để yêu cầu P viết giấy vay tiền thì P đồng ý và hẹn đến 02/4/2021 sẽ thu xếp trả tiền. Tuy nhiên, do khó khăn nên đến nay vẫn chưa được. P thừa nhận việc vay tiền của C và cam kết sẽ có trách nhiệm trả nợ. Cơ quan điều tra kết luận hành vi của P không cấu thành tội phạm là có căn cứ.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Đồng Thị Thu P đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số 118/CT-VKS ngày 06/7/2022 của Viện kiểm sát N dân thành phố Bắc Giang đã truy tố bị cáo Đồng Thị Thu P về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo và đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đồng Thị Thu P từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341; điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đồng Thị Thu P 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" ;

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội danh, buộc bị cáo Đồng Thị Thu P phải chấp hành hình phạt chung từ 07 đến 08 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CT420825 và 01 bản Hợp đồng đặt cọc đề ngày 22/4/2021.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu HUAWEI Y9 2019, lắp số thuê bao 0522076315.

Trả lại cho bị cáo Đồng Thị Thu P 01 thẻ Active của Ngân hàng TMCP Quân đội số thẻ 9704222098288194 mang tên Đồng Thị Thu P.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp cũng như thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng biện pháp phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 174 và khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo P đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn N số tiền 215.000.000 đồng. Anh N có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo P đã trả lại anh Đ số tiền 480.000.000 đồng. Anh Đ và anh N không yêu cầu bồi thường gì khác nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư H Thị Bích L có ý kiến tranh luận như sau: Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề xuất xử dưới khung hình phạt truy tố là đã có phần xem xét đến tính chất và hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Tuy nhiên, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là lao động duy nhất trong gia đình, một mình nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội khi đang mang thai. Đề nghị Hội đồng xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự xử cho bị cáo dưới khung hình phạt và ở mức thấp nhất của khung liền kề.

Bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo Đồng Thị Thu P nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng điều tra viên, kiểm sát viên, của cơ quan điều tra Công an thành phố Bắc Giang, Viện kiểm sát N dân thành phố Bắc Giang trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

[2]. Về sự vắng mặt của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[3]. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả giám định, phù hợp với vật chứng vụ án và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Tháng 12/2020, Đồng Thị Thu P đặt mua trên mạng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi thông tin thửa đất số 661, tờ bản đồ số 352407-2-a, khu đô thị Đình Trám – Sen Hồ, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang mang tên Đồng Thị Thu P. Sau đó, P đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà Vũ Thị Thu H để làm tin và vay số tiền 300.000.000 đồng sử dụng để kinh doanh. Khoảng 15 ngày sau, P đã trả nợ cho bà H và lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 22/4/2021, Đồng Thị Thu P sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được làm giả để lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn N số tiền 200.000.000 đồng bằng hình thức nhận tiền đặt cọc mua bán thửa đất này.

Ngày 11/5/2021, Đồng Thị Thu P đưa cho anh Đoàn Văn Đ giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được làm giả mục đích kéo dài thời gian trả nợ đối với khoản tiền 480.000.000 đồng mà P đã vay của anh Đ trước đó nhưng chưa trả được. Sau đó, P đã trả nợ cho anh Đ số tiền trên.

Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Do đó, Viện kiểm sát N dân thành phố Bắc Giang truy tố bị cáo theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa P, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước và quyền sở hữu tài sản của công dân, là các khách thể được pháp luật bảo vệ.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, bị cáo nhận thức được việc sử dụng tài liệu giả để chiếm đoạt tiền của người bị hại là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền một cách bất chính nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần xét xử bị cáo mức án nghiêm, đủ thời gian để bị cáo cải tạo bản thân thành người có ích cho xã hội.

[5]. Xét về N thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có N thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6]. Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo Đồng Thị Thu P đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội là phụ nữ có thai; hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi được quy định tại các điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[7]. Xét về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp cũng như thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không xem xét áp dụng biện pháp phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 174 và khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

[9]. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo P đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn N số tiền 215.000.000 đồng. Anh N có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo P đã trả lại anh Đ số tiền 480.000.000 đồng. Anh Đ và anh N không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

Cần tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CT420825 và 01 bản Hợp đồng đặt cọc đề ngày 22/4/2021.

Cần trả lại cho bị cáo Đồng Thị Thu P 01 thẻ Active của Ngân hàng TMCP Quân đội số thẻ 9704222098288194 mang tên Đồng Thị Thu P.

Cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu HUAWEI Y9 2019, lắp số thuê bao 0522076315.

[11]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội từ 2 lần trở lên đối với tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Hội đồng xét xử thấy bị cáo 3 lần phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" (được quy định tại khoản 2 Điều 341 với tình tiết định khung phạm tội 02 lần trở lên) nhưng bị cáo đã bị truy tố khoản 3 Điều 341 về hành vi Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng nên không cần thiết áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc tịch thu tiêu hủy 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CT420825. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết tiêu hủy mà lưu Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này trong hồ sơ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đồng Thị Thu P 05 (năm) năm tù về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đồng Thị Thu P 02 (hai) năm tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

3. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội danh, buộc bị cáo Đồng Thị Thu P phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bẩy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015:

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CT420825 và 01 bản Hợp đồng đặt cọc đề ngày 22/4/2021.

Trả lại cho bị cáo Đồng Thị Thu P 01 thẻ Active của Ngân hàng TMCP Quân đội số thẻ 9704222098288194 mang tên Đồng Thị Thu P.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu HUAWEI Y9 2019, lắp số thuê bao 0522076315.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án, buộc bị cáo Đồng Thị Thu P phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp Bắc Giang.
- Công an Tp Bắc Giang.
- CCTHADS Tp Bắc Giang.
- UBND TT Bố Hạ;
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu Hồ sơ, Vp

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Trường